

Bản án số: 893/2024/HS-PT

Ngày 07 - 11- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Hồng Sơn;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 1053/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo **Huỳnh Minh B** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 438/2024/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Minh B**, sinh năm: 1964; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và nơi ở: **Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh H**; nghề nghiệp: Không; **trình độ văn hóa: 10/10**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Huỳnh Bá K** (Đã chết) và bà **Nguyễn Thị K1** (Đã chết); có vợ là **Phùng Thị Thúy H** (đã ly hôn) và có 01 con chung; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 08/12/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 **Công an thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư **Nguyễn Ngọc H1**, **Văn phòng L** - **Đoàn luật sư thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

2. Luật sư **Nguyễn Văn C**, **Công ty L1** - **Đoàn luật sư thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Trịnh Xuân N**, sinh năm 1985; trú tại **phòng G, tòa C, phường T, quận N, Hà Nội**. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm được tóm tắt như sau:

Huỳnh Minh B có quan hệ quen biết xã hội với ông Bùi Quý Đ (sinh năm 1973; trú tại ngõ L, phường T, quận Đ, Hà Nội), là người làm nghề kinh doanh tự do. Quá trình quen biết, B nói với ông Đ là mình có nhiều mối quan hệ nên có thể giúp được nhiều việc khó cho người khác. Năm 2019, tại các cảng biển trên cả nước tồn đọng số lượng rất lớn các container phế liệu (gồm nhiều chủng loại) được nhập vào Việt Nam nhưng không được thông quan do có vướng mắc về thủ tục, quy chuẩn môi trường (tồn đọng nhiều nhất tại cảng C và cảng H). Thời điểm này, T đã báo cáo, tham mưu cho Bộ T1 để báo cáo Chính Phủ xin đường lối giải quyết đối với số Container phế liệu tồn đọng này và được Chính phủ đồng ý phương án xử lý, trong đó có phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân và bán đấu giá đối với số phế liệu đảm bảo quy chuẩn về môi trường. Ông Đ biết được thông tin này qua phương tiện truyền thông và tin tưởng B có nhiều mối quan hệ, ông Đ nói chuyện với B và muốn nhờ B giúp được tham gia mua phế liệu thanh lý. Do có ý định chiếm đoạt tiền của ông Đ nên B đã đồng ý giúp. Do năng lực tài chính hạn chế nên ông Đ rủ thêm một số người quen, là ông Trần Đức C1 (sinh năm 1985; trú tại số nhà A, ngõ C, đường X, phường X, quận N, Hà Nội), ông Nguyễn Thế H2 (sinh năm 1975; trú tại P1701B CT2, khu nhà ở T, quận N, Hà Nội) và ông Trịnh Xuân N (sinh năm 1985; trú tại phòng G, tòa C, phường T, quận N, Hà Nội) tham gia cùng. Theo thỏa thuận ông N sẽ tạm thời bỏ tiền để lo các việc liên quan đến thủ tục ban đầu, còn ông H2 cùng ông Đ và ông C1 lo kho bãi tập kết và tìm nguồn tiêu thụ. Đầu tháng 5/2019, theo sự giới thiệu của ông Đ nên ông C1, ông H2 và ông N cùng đến nhà Huỳnh Minh B tại thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh H để nhờ B giúp được tham gia và trúng đấu thầu mua hàng phế liệu thanh lý ở cảng C và cảng H. Qua nói chuyện, Bắc tự giới thiệu là người nhà của một số đồng chí Lãnh đạo của các Bộ, Ban, Ngành Trung ương nên sẽ giúp cho nhóm ông N được tham gia và trúng thầu mua hàng phế liệu theo chủ trương của Nhà nước. Tuy không có khả năng, thẩm quyền hay chức năng nhiệm vụ gì trong việc xử lý phế liệu tồn đọng và thời điểm này Chính phủ cũng chưa có ý kiến với đề xuất của Bộ T1 nhưng B đã yêu cầu nhóm của ông N phải đưa cho B số tiền 2.000.000.000 đồng để đi quan hệ, đối ngoại, biểu lãnh đạo các Bộ, B1, Ngành ở Trung ương để việc đấu thầu thuận lợi, hứa hẹn trong vòng 01-02 tháng sẽ trúng thầu.

Ngày 17/5/2019, tại Ngân hàng Q - Phòng G, ông N chuyển số tiền 2.000.000.000 từ tài khoản số 9596123456789 của ông N mở tại Ngân hàng cổ phần Q (M) vào tài khoản ngân hàng số 3550108310007 mang tên Huỳnh Minh B mở tại Ngân hàng M - Chi nhánh V để nhờ Bắc lo liệu công việc như thỏa thuận. Sau khi nhận được tiền, B không thực hiện như đã thỏa thuận mà sử dụng 120.000.000 đồng để trả nợ cho khoản vay khế ước số LD1613998470 của B và vợ là bà Phùng Thị Thúy H tại Ngân hàng M và rút số tiền 1.880.000.000 đồng ra để sử dụng chi tiêu cá nhân. Hết thời hạn 02 tháng không thấy B thông báo kết quả và hướng dẫn các thủ tục tham gia đấu thầu nên ông N cùng ông Đ, ông H2

và ông C1 đến gặp B để hỏi kết quả. B nói mọi người phải chờ và số tiền 2.000.000.000 đồng của ông N đã được B sử dụng đi đối ngoại, biểu các đồng chí lãnh đạo để lo việc trên nhưng không cho nói cụ thể là đã đưa tiền cho ai.

Ngày 27/8/2019, Văn phòng C2 có văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ đồng ý đề xuất của Bộ T1 về việc xử lý phế liệu tồn đọng trong đó có phương án bán đấu giá. Nhóm của ông D biết được thông tin trên nhưng vẫn không thấy B thông báo kết quả trúng thầu. Đầu tháng 12/2019, ông N cùng ông D, ông H2 và ông C1 đến tìm gặp B để hỏi về kết quả nhưng B nói chưa có. Ông N muốn đòi lại tiền thì B nói đã dùng tiền để đi đối ngoại, biểu xén, quan hệ với lãnh đạo các bộ ngành nên không thể lấy lại, công việc chưa có kết quả nên yêu cầu ông N tiếp tục chờ. Đến đầu năm 2020, ông D cùng ông H2 và ông C1 nói với ông N về việc không tham gia cùng ông N nữa. Thấy kết quả công việc không như B hứa hẹn nên ông N quyết định đòi lại tiền về. Sau đó, vợ chồng ông N nhiều lần tìm gặp B và gửi thư thông báo yêu cầu trả tiền qua đường bưu điện cho B nhưng B né tránh và không trả tiền cho ông N. Ngày 08/3/2023, ông Trịnh Xuân N làm đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Huỳnh Minh B; đồng thời giao nộp 01 USB chứa 01 file ghi âm và 01 đoạn video có nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa B và ông N, ông D, ông H2, ông C1 thể hiện B có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng.

* Tại bản Kết luận giám định số 5740/KLGD ngày 29/11/2022 của V1 - Bộ C3 đối với file ghi âm do ông Trịnh Xuân N giao nộp, kết luận:

“... Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong tập tin âm thanh mẫu cần giám định.

Tiếng nói của người đàn ông (được ký hiệu là “Nhật” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Trịnh Xuân N trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông (được ký hiệu là “Bắc” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Huỳnh Minh B trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông (được ký hiệu là “Đông” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Quý Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông (được ký hiệu là “C1” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần Đức C1 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người đàn ông (được ký hiệu là “H2” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thế H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Nội dung cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển sang văn bản. Nội dung chi tiết được thể hiện trong 01 (một) Bản dịch nội dung ghi âm mẫu

cần giám định có nội dung: “Thể hiện cuộc nói chuyện giữa Huỳnh Minh B với các ông Bùi Quý Đ, Nguyễn Thế H2, Trần Đức C1 và Trịnh Xuân N có nội dung ông Trịnh Xuân N đã chuyển cho B số tiền 2.000.000.000 đồng để nhờ B giúp mua phế liệu thanh lý, nếu không làm được thì trả lại tiền. B nói phải chờ đợi, B đã đi gặp gỡ để nhờ nhưng không nói đi gặp gỡ ai.”.

* Tại bản Kết luận giám định số 3444/KLGĐ ngày 17/6/2022 của V1 - Bộ C3 đối với đoạn video mà ông Trịnh Xuân N giao nộp, kết luận: “...Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung file video mẫu cần giám định”.

* Ngày 29/11/2022, Cục điều tra chống buôn lậu - T có Công văn số 1396/CV trả lời Cơ quan điều tra về chủ trương bán đấu giá hàng phế liệu bị tồn đọng trên cả nước, như sau:

“... Theo thống kê của T tính đến 15/4/2019 số container tồn đọng quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu chưa làm thủ tục hải quan là 9.362 container tồn phế liệu đang lưu giữ ở cảng biển thuộc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, cụ thể: Cục H3 1.691 cont, Cục H3 02 cont, Cục H3 488 cont, Cục H3 5.014 cont, Cục Hải quan thành phố H3 2.625 cont, Cục H3 30 cont.

Ngày 05/8/2019, Bộ T1 đã có công văn số 8908/BTC-TCHQ gửi Thủ tướng Chính phủ đề xuất phương án xử lý và phân công trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan.

Ngày 27/8/2019, Văn phòng C2 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ đồng ý đề xuất của Bộ T1 về việc xử lý phế liệu tồn đọng như sau:

- Đối với hàng là chất thải, chất thải nguy hại, phế liệu không đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường thì yêu cầu buộc vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Đối với lô hàng chất thải phóng xạ: Buộc vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Đối với lô hàng phế liệu thuộc danh mục được phép nhập khẩu và đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, căn cứ quy định pháp luật Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng quyết định biện pháp xử lý bằng hình thức bán đấu giá theo quy định”.

* Tại Công văn số 3702/CV ngày 29/12/2022 của Cục Hải quan thành phố H3 trả lời: “... Qua kiểm tra, rà soát giai đoạn năm 2019 không có container phế liệu tồn đọng có chủng loại phế liệu được xử lý dưới hình thức bán thanh lý và cũng không có ai tên Huỳnh Minh B liên hệ với Cục H3 để làm thủ tục mua bán phế liệu thanh lý”.

* Tại Công văn số 3492/CV ngày 13/4/2023 của Cục Hải quan thành phố H3 trả lời: “... Qua kiểm tra, rà soát không có ai tên Trịnh Xuân N, Huỳnh Minh B liên hệ để làm thủ tục mua các lô hàng đấu giá”.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 27/12/2023, chị Phùng Thị Thúy H (là vợ của bị can Huỳnh Minh B) đã bồi thường cho ông Trịnh Xuân N số tiền 500.000.000

đồng để khắc phục hậu quả. Ông **N** yêu cầu bị can **B** tiếp tục trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng và phải bồi thường thêm 200.000.000 đồng tiền đền bù tổn thất về tinh thần.

Cáo trạng số: 81/CT-VKS-P2 ngày 26/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo **Huỳnh Minh B** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 438/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

*Tuyên bố bị cáo: **Huỳnh Minh B** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm b, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

*Xử phạt: **Huỳnh Minh B** 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2023.*

*Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục trả cho ông **Trịnh Xuân N** số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Án phí: Miễn án phí phải chịu cho bị cáo **Huỳnh Minh B**.*

Bản án còn thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 15/8/2024, **Huỳnh Minh B** có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do mức án 12 năm tù là quá cao. Tại phiên tòa phúc thẩm, **Huỳnh Minh B** giữ nguyên kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho **Huỳnh Minh B**, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt 12 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đại diện VKSNDCC tại Hà Nội phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với **Huỳnh Minh B**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm **Huỳnh Minh B** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: **Huỳnh Minh B** gian dối (tự nhận mình có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, nên có thể tác động giúp bị hại được tham gia và được trúng đấu thầu mua phế liệu). Tin tưởng các thông tin **B** đưa ra, bị hại đã chuyển cho bị cáo số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, **Huỳnh Minh B** đã chiếm đoạt, sử dụng cá nhân hết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử **Huỳnh Minh B** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự là đúng.

[2] Xét kháng cáo của **Huỳnh Minh B** về quyết định hình phạt:

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: **Huỳnh Minh B** thành khẩn khai báo; đã khắc phục trả cho bị hại số tiền 500.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, luật sư bào chữa cho bị cáo có đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với lý do bị cáo có ông bà nội, ngoại là người có công với nước, nhưng gia đình bị cáo và luật sư chưa nộp tài liệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo đã xuất trình các tài liệu về việc này.

Xét về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội độc lập; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xem xét đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt **Huỳnh Minh B** mức hình phạt 12 năm tù, là không nặng.

Bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của **Huỳnh Minh B**.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm số 438/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm b, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: **Huỳnh Minh B** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2023.

2. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho **Huỳnh Minh B**.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/11/2024.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (2 bản);
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại TG số 1, Công an TP Hà Nội;
- Cục Hồ sơ nghiệp vụ- Bộ Công an;
- Cục THASD TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương